

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:154/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09/10/2020

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩ;

Các Hội thẩm nhân dân:1. Ông Hồ Xuân Giao

2.Bà Nguyễn Thị Bạ.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 10 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 583/TLST-HNGĐ ngày 20/7/2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 113/QĐST-DS ngày 23/9/2020, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy D– sinh năm:1991(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

-Bị đơn: Anh Phạm Văn K– sinh năm: 1990(Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 337 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1].Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày:

Tôi và anh Phạm Văn K đến với nhau trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 07/11/2017.

-Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K không lo làm ăn chỉ bỏ đi chơi cờ, cờ bạc, vợ chồng sống không hòa hợp, thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến cãi vã. Tôi và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh K là người ham mê cờ bạc tự ý lấy tiền vàng của gia đình đi chơi cờ bạc, không những vậy còn vay tiền riêng của dân xã hội đen chơi cờ bạc dẫn đến họ tới nhà đòi nợ nhiều lần không có tiền trả nợ nên trốn tránh bỏ ra ngoài làm thuê thi thoảng mới về nhà rồi lại đi ngay. Nay xác định tình cảm vợ chồng giữa tôi và anh K là không còn tôi yêu cầu Tòa án cho được ly hôn với anh Phạm Văn K.

-Về con chung: Tôi và anh K không có con chung.

-Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và anh Phạm Văn K không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2].Đối với anh Phạm Văn K: Tòa án đã tiến hành thông báo triệu tập hợp lệ nhưng anh K không lên Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Sau khi kết hôn, chị D và anh K sinh sống tại 337 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk do đó thẩm quyền giải quyết ly hôn là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh K đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày về các nội dung yêu cầu khởi kiện của chị D; không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đã phải hoãn phiên tòa lần đầu vào ngày 23 tháng 9 năm 2020. Tại phiên tòa hôm nay, anh K vẫn vắng mặt là thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định.

[2] Hôn nhân giữa chị D với anh K là hợp pháp; trong thời gian chung sống, do ham mê cờ bạc, cá độ bóng đá nên anh K có vay tiền nóng của nhiều người nhưng mất khả năng trả nợ nên hiện nay đi làm ăn xa thi thoảng mới về thăm gia đình. Việc mâu thuẫn vợ chồng anh K chị D là thường xuyên xảy ra. Như vậy, giữa chị D và anh K không còn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình; từ đó vợ chồng chị D anh K là đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đây là căn cứ cho ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Phạm Văn K không có

con chung nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thùy D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị D là người yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 2, 3 Điều 36; khoản 1, 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 19, Điều 56 và Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn với anh Phạm Văn K.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Phạm Văn K không có con chung nên không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thùy D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị D đã nộp tại biên lai số 008894 ngày 15/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Anh Phạm Văn K không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án cấp, tổng đạt, niêm yết hợp lệ Bản án này.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- UBND P. Thắng Lợi;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- P. Kiểm tra - TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Vĩ